

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 05/2017/KDTM-PT

Ngày 19/7/2017

V/v T/c HĐ tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2017/TLPT-KDTM ngày 13/3/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2016/KDTM-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2017/QĐ-PT ngày 04/4/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐ-PT ngày 25/4/2017; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/5/2017; Thông báo V/v mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ: Đường Đ, phường C, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Văn D – Phó Giám đốc Ngân hàng V Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Thanh N – Trưởng phòng Phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng V Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Trung K – Trưởng phòng Phòng Giao dịch B Ngân hàng V Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Vũ Đình T2 – Phó Trưởng phòng Phòng Bán lẻ Ngân hàng V Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Đoàn Hải T3 – Phó Trưởng phòng Phòng Khách hàng doanh nghiệp (có mặt).

(Theo Văn bản ủy quyền số: 628/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 28/5/2014 của Ngân hàng V).

Địa chỉ: Đường T, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim H1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Đường C, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ tạm trú: Đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Mạch Văn T4, sinh năm 1964 (có mặt) và bà Ngô Thị Thanh T5, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bà Mạch Thị H2, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/4/2017).

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Ông Mạch Văn T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Ngày 02/7/2008 bà H1 ký Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 vay của Ngân hàng V 1.150.000.000đ, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 21%/năm, lãi trả hàng tháng, gốc trả

cuối kỳ, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (BL 104-106).

Khi vay, bà H1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.43.0127 ngày 21/5/2007 (BL 96-99) và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 (BL 101-102) thế chấp cho Ngân hàng Ngân hàng V Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu 12.035m² đất, cụ thể như sau: 8.778m² đất thuộc thửa 492, tờ bản đồ số 14; 857m² đất thuộc thửa 1182, tờ bản đồ số 13; 2.400m² đất thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 20 đều tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Mạch Văn T4 ngày 13/8/2004 (BL 92-93).

Hợp đồng thế chấp được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được xác nhận ngày 13/6/2007 (BL 95).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H1 chỉ trả được một phần gốc và lãi. Nay, Ngân hàng Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà H1 trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh còn lại chưa trả, tạm tính đến hết ngày 14/11/2016 là: 2.202.918.242đ, trong đó nợ gốc là 735.731.202đ, lãi trong hạn là 1.062.979.740đ, lãi quá hạn là 404.207.300đ và tiền lãi phát sinh đến khi bà H1 trả hết nợ. Trường hợp bà H1 không trả được nợ thì Ngân hàng Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Kim H1 không đến tòa làm việc nên không ghi được ý kiến.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Mạch Văn T4, bà Ngô Thị Thanh T5 trình bày:

Vợ chồng ông T4 bà T5 đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 ngày 13/8/2004 thuộc quyền sử dụng của ông bà cho bà H1 để vay 200.000.000đ. Thủ tục thế chấp và vay thông qua bà Phạm Thị X là nhân viên của Ngân hàng Ngân hàng V. Vợ chồng ông T4 bà T5 cho rằng ông bà nhận 200.000.000đ từ bà X và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 cho bà X chứ ông bà không bảo lãnh khoản nợ 1.150.000.000đ cho bà H1.

Ngày 04/12/2013, ông T4 bà T5 có Đơn yêu cầu độc lập với nội dung: Yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.43.0127 ngày 21/5/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng V Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu, bên thế chấp là vợ chồng ông T4

bà T5, bên vay vốn là bà H1. Ông T4 bà T5 chỉ đồng ý trả 200.000.000đ và yêu cầu Ngân hàng Ngân hàng V giải chấp tài sản thế chấp của ông T4 (BL 140).

2. Bà Phạm Thị X trình bày:

Bà H1 là khách hàng thường xuyên của Ngân hàng Ngân hàng V. Vợ chồng ông T4 bà T5 có quan hệ họ hàng với bà H1 nên vợ chồng ông T4 bà T5 đã dùng tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Mạch Văn T4 ngày 13/8/2004 để thế chấp bảo đảm nợ vay của bà H1 là hoàn toàn có sự đồng thuận trong gia đình. Việc vay vốn, thế chấp tài sản của ông T4, bà T5 đều qua công chứng tại cơ quan Công chứng nhà nước.

Việc vay mượn 200.000.000đ giữa vợ chồng ông T4 bà T5 với bà H1, bà X chỉ được biết khi ông T4 bà T5 mang giấy mượn tiền đến nhà bà X, yêu cầu cho nộp 200.000.000đ để trả nợ Ngân hàng V và tính lãi vay số tiền 200.000.000đ này. Ông T4 nhờ bà X trả nợ cho Ngân hàng V vì sợ bà H1 nhận tiền rồi không trả. Bà X có nhận 200.000.000đ và đã nộp vào tài khoản vay của bà H1 tại Ngân hàng Ngân hàng V.

Việc bà H1 và vợ chồng ông T4 bà T5 mượn tài sản thế chấp cho Ngân hàng Ngân hàng V là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 để làm việc với người mua đất, trả bớt nợ cho Ngân hàng Ngân hàng V. Khi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 có lập hồ sơ chứng từ mượn, lưu hồ sơ vay của bà H1 tại Ngân hàng Ngân hàng V. Sau khi mua bán đất không thành, bà H1 đã trả lại 200.000.000đ cho ông T4. Ông T4, bà T5 đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 cho Ngân hàng Ngân hàng V. Bà X đã nhập kho hồ sơ tài sản thế chấp này vào Ngân hàng Ngân hàng V.

3. Ông Ngô Văn L trình bày:

Ngày 11/9/ 2003, ông T4 có khó khăn về tiền bạc trong việc cho con ăn học nên có bán cho ông L một miếng ruộng với giá 16.500.000đ với diện tích khoảng gần 2,9 sào (không đo cụ thể). Hai bên đã giao tiền và giao ruộng cho nhau xong. Ông L đã canh tác từ năm 2003 đến nay. Khi mua bán hai bên có làm giấy tay sang nhượng ruộng. Sau khi ông T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chưa làm thủ tục tách thửa sang tên ông L. Việc ông T4 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L hoàn toàn không biết. Nay, ông L yêu cầu Tòa xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

4. Bà Mạch Thị H2 trình bày:

Bà H2 là chị ruột của ông T4. Đất của bà H2 và đất của ông T4 do cha mẹ để lại chia cho nhau và kế bên nhau. Năm 2003, ông T4 có khó khăn về tiền bạc trong việc cho con ăn học nên có bán cho bà H2 một miếng đất liền kề với giá 9.000.000đ với diện tích khoảng gần 01 sào (không đo cụ thể). Hai bên có làm giấy tay nhưng do cơn bão số 9 bà H2 đã làm mất hết giấy tờ. Sau khi ông T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chưa làm thủ tục tách thửa ra tên bà H2. Việc ông T4 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H2 hoàn toàn không biết. Nay, bà H2 yêu cầu Tòa xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 17/2016/KDTM-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V đã Áp dụng: Điều 26, Điều 35, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 122, 128, 135, 137, khoản 3 Điều 342, Điều 355, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh Án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng V đối với bà H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà H1 trả cho Ngân hàng Ngân hàng V 735.731.202đ nợ gốc, 1.467.187.040 nợ lãi và nợ phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 15/11/2016 đến khi trả hết nợ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của vợ chồng ông T4 bà T5 về việc yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.43.0127 ngày 21/5/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Ngân hàng V, bên thế chấp là vợ chồng ông T4 bà T5, bên vay vốn là bà H1. Hủy một phần hợp đồng thế chấp tài sản đối với thửa 456, tờ bản đồ số 20 có diện tích 2.400m² đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/8/2004 cho ông T4.

- Trường hợp bà H1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Ngân hàng V được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa 492, tờ bản đồ số 14 có diện tích 8.778m² đất RTS và thửa 1182, tờ bản đồ số 13 có diện tích 300m² đất T và 557m² đất ĐRM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/8/2004 cho ông Mạch Văn T4.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24/11/2016, ông T4 có đơn kháng cáo một phần Bản án Kinh doanh

thương mại sơ thẩm số 17/2016/KDTM-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ việc ông thế chấp quyền sử dụng đất bảo lãnh cho bà H1 vay tiền tại Ngân hàng Ngân hàng V là không tự nguyện và bị lừa dối. Cụ thể là năm 2007, ông T4 nhờ bà H1 giới thiệu với bà X (cán bộ của Ngân hàng Ngân hàng V) làm thủ tục cho vợ chồng ông T4 bà T5 vay 200.000.000đ nên ông T4 đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 cho bà X. Sau đó vợ chồng ông T4 bà T5 được bà X và bà H1 gọi ra Phòng Công chứng H tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ký tên vào thủ tục vay mà không được đọc nội dung của hợp đồng và không được Công chứng viên giải thích về nội dung của hợp đồng. Vợ chồng ông T4 bà T5 không ký tên vào Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ xác nhận ngày 13/6/2007 cho nên giao dịch bảo đảm này không có hiệu lực pháp luật. Đồng nghĩa với việc Ngân hàng Ngân hàng V cho bà H1 vay tiền không có tài sản đảm bảo. Ông T4 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.43.0127 ngày 21/5/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Ngân hàng V, bên thế chấp là vợ chồng ông T4 bà T5, bên vay vốn là bà H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T3 là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng V và ông T4 cho biết: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 22/5/2017 ông T3 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng V và ông T4 là người bảo lãnh tài sản thế chấp cho bà H1 vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 đã thống nhất thỏa thuận với nội dung:

- Ông T4 có trách nhiệm tự xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.43.0127 ngày 21/5/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Mạch Văn T4 ngày 13/8/2004, đồng thời ông T4 có trách nhiệm trả 500.000.000đ nợ gốc thay nghĩa vụ của bà H1 trong Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 cho Ngân hàng Ngân hàng V chậm nhất vào ngày 30/6/2017.

- Đối với số nợ gốc và lãi còn lại trong Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2016/KDTM-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V là thuộc trách nhiệm của bà H1.

Tại Biên bản ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ghi nhận ông T4 đã giao trả đủ 500.000.000đ cho Ngân hàng Ngân hàng V và Ngân hàng Ngân hàng V đã giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 ngày 13/8/2004 cho ông T4.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T3 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng V xác nhận:

- Vợ chồng ông T4 bà T5 không còn bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ gì đối với Ngân hàng Ngân hàng V nữa.

- Đối với số nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 là thuộc trách nhiệm của bà H1, bà H1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Ngân hàng V 1.702.918.242đ, trong đó nợ gốc là 235.731.202đ, nợ lãi tính đến hết ngày 14/11/2016 thì nợ lãi trong hạn là 1.062.979.740đ, nợ lãi quá hạn là 404.207.300đ.

- Bà H1 phải tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 15/11/2016 trên số nợ gốc cho đến ngày tất toán xong nợ gốc. Trường hợp bà H1 không trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bán đấu giá các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của bà H1 (nếu có) để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:*** Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, quá trình giải quyết sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông T3 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng V và ông T4 là người bảo lãnh tài sản thế chấp cho bà H1 vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 đã thống nhất thỏa thuận ông T4 tự xử lý tài sản bảo lãnh thế chấp giao cho Ngân hàng Ngân hàng V 500.000.000đ để thu hồi một phần nợ gốc của bà H1, đối với số nợ còn lại là thuộc trách nhiệm của bà H1. Sự thỏa thuận này không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã niêm yết triệu tập họp lệ 02 lần cho bà H1, bà H2, ông L tham gia phiên tòa phúc thẩm, nhưng đã quá thời gian xét xử bà H1, bà H2, ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời bà X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử vắng mặt bà H1, bà X, bà H2, ông L theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015.

Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự thì bà H1 là khách hàng thường xuyên của Ngân hàng Ngân hàng V và cho đến thời điểm hiện nay thì Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 là hợp đồng cuối cùng bà H1 còn dư nợ tại Ngân hàng Ngân hàng V.

Vì giá trị tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông T4 bà T5 bảo lãnh thế chấp cho bà H1 vay nợ tại Ngân hàng Ngân hàng V là không lớn. Quá trình giải quyết vụ án bà H1 không có mặt tại địa phương, mặt khác do bà H1 và bà T5 (vợ ông T4) có quan hệ họ hàng, để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng Ngân hàng V thu hồi được một phần nợ gốc, vợ chồng ông T4 bà T5 sẽ được giải chấp tài sản bảo lãnh thế chấp, bà H1 tránh được nợ lãi phát sinh ngày càng tăng trên dư nợ gốc còn lại là 735.731.202đ, nên tại biên bản làm việc ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Ngân hàng Ngân hàng V đã đồng ý cho ông T4 tự xử lý tài sản bảo lãnh thế chấp, đồng thời ông T4 có trách nhiệm trả 500.000.000đ nợ gốc thay nghĩa vụ của bà H1 trong Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 cho Ngân hàng Ngân hàng V chậm nhất vào ngày 30/6/2017.

Tại Biên bản làm việc ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ghi nhận, ông T4 đã giao trả đủ 500.000.000đ cho Ngân hàng Ngân hàng V và Ngân hàng Ngân hàng V đã giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 ngày 13/8/2004 cho ông T4. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng Ngân hàng V xác nhận vợ chồng ông T4 bà T5 không còn bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến Ngân hàng Ngân hàng V. Xét thấy sự thỏa thuận giữa Ngân hàng Ngân hàng V và ông T4 là tự nguyện, không trái pháp luật, cùng được đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng Ngân hàng V với ông T4 theo nội dung trên.

Đối với số nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008, Ngân hàng Ngân hàng V cho rằng thuộc trách nhiệm của bà H1 nên yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Ngân hàng V 1.702.918.242đ, trong đó nợ gốc là 235.731.202đ, nợ lãi tính đến hết ngày 14/11/2016 trong hạn là 1.062.979.740đ, quá hạn là 404.207.300đ. Bà H1 phải tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 15/11/2016 trên số nợ gốc cho đến ngày tất toán xong nợ gốc. Trường hợp bà H1 không trả nợ thì Ngân hàng Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên bán đấu giá các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của bà H1 (nếu có) để thanh toán nợ cho Ngân hàng

Ngân hàng V. Xét yêu cầu này của Ngân hàng Ngân hàng V là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng Ngân hàng V.

Bà H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với số tiền 1.702.918.242đ là: $36.000.000đ + 27.087.547đ (3\% \text{ vượt quá } 800.000.000đ) = 63.087.547đ$.

Ông T4 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 300; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2016/KDTM-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố V như sau:

- Ngân hàng V xác định: Tính đến hết ngày 14/11/2016 thì bà Nguyễn Kim H1 còn nợ Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 là 2.202.918.242đ (hai tỷ, hai trăm lẻ hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 735.731.202đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, hai trăm lẻ hai đồng), lãi trong hạn là 1.062.979.740đ (một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng), lãi quá hạn là 404.207.300đ (bốn trăm lẻ bốn triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm đồng).

- Vợ chồng ông Mạch Văn T4, bà Ngô Thị Thanh T5 có trách nhiệm tự xử lý tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 711581 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Mạch Văn T4 ngày 13/8/2004 trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.43.0127 ngày 21/5/2007 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 08.43.0076 ngày 02/7/2008, đồng thời vợ chồng ông Mạch Văn T4, bà Ngô Thị Thanh T5 có trách nhiệm trả 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) nợ gốc thay nghĩa vụ của bà Nguyễn Kim H1 trong Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 cho Ngân hàng V chậm nhất vào ngày 30/6/2017.

- Ngày 30/6/2017, vợ chồng ông Mạch Văn T4 bà Ngô Thanh T5 đã giao trả đủ 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) cho Ngân hàng V. Ngân hàng V đã giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 711581 ngày 13/8/2004 cho vợ chồng ông Mạch Văn T4 bà Ngô Thanh T5 xong.

- Ngân hàng V xác định: Vợ chồng ông Mạch Văn T4, bà Ngô Thị Thanh T5 không còn bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 đối với Ngân hàng V nữa.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V đối với bà Nguyễn Kim H1 như sau:

- Buộc bà Nguyễn Kim H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 là 1.702.918.242đ (một tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu, chín trăm mười tám ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 235.731.202đ (hai trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, hai trăm lẻ hai đồng), nợ lãi tính đến hết ngày 14/11/2016 trong hạn là 1.062.979.740đ (một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng), quá hạn là 404.207.300đ (bốn trăm lẻ bốn triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm đồng).

- Bà Nguyễn Kim H1 phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc còn lại từ ngày 15/11/2016 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 08.43.0076 ngày 02/7/2008 cho đến ngày tất toán xong nợ gốc.

- Trường hợp bà Nguyễn Kim H1 không trả được nợ, thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Kim H1 (nếu có) để thanh toán nợ cho Ngân hàng V.

3. Chi phí thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 3.000.000đ (ba triệu đồng), bà Nguyễn Kim H1 phải nộp, do Ngân hàng V đã nộp tạm ứng trước đủ, nên bà Nguyễn Kim H1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng V 3.000.000đ (ba triệu đồng).

4. Án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Kim H1 phải nộp 63.087.547đ (sáu mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

+ Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 36.163.364đ (ba mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng) cho Ngân hàng V theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 023792 ngày 28/10/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

+ Vợ chồng ông Mạch Văn T4 bà Ngô Thị Thanh T5 phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), khấu trừ vào 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm vợ chồng ông Mạch Văn T4 bà Ngô Thị Thanh T5 đã

nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 023023 ngày 12/12/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V, như vậy vợ chồng ông Mạch Văn T4 bà Ngô Thị Thanh T5 đã nộp xong án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- ***Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:*** Vợ chồng ông Mạch Văn T4 bà Ngô Thị Thanh T5 được hoàn trả lại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01760 ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2017).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Quang

